TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 11 - 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thẩm
Ông Nguyễn Quốc Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huấn - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-HNG§ ngày 08tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H - sinh năm 1996
Trú tại: Khu phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1993
Trú tại: Khu phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.
(Chị H, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024 nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ,thị

xã B, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/3/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung và tới giờ vợ chồng không còn cảm thông, yêu thương nhau nữa nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa ở từ tháng 4 năm 2024 đến nay và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Phú T2 (nam) sinh ngày 20/01/2024. Nếu ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu T2 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2024 anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ,thị xã B, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/3/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, luôn sung đột, bất đồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì mâu thuẫn vợ chồng ngày căng thẳng nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa ở từ tháng 4 năm 2024 đến nay và anh chị đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên nếu chị H làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý.

-Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Phú T2 (nam) sinh ngày 20/01/2024. Nếu ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu T2 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 16/10/2024 ông Lưu Văn T3 trưởng khu phố Đ, thị xã B cung cấp: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không được biết. Anh T, chị H có với nhau một con chung, cháu tên là Nguyễn Phú T2 sinh tháng 01/2024. Nay vợ chồng anh T, chị H ly hôn đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 25/10/2024 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/10/2024, tuy nhiên, chị H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt chị, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (viết tắt: BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị H đều vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Phú T2 (nam) sinh ngày 20/01/2024 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] **Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H cương quyết xin ly hôn với anh T. Anh Thành công N vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không yêu thương nhau nữa, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm nên nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. HĐXX thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố níu kéo chỉ làm cho hai bên cùng đau khổ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Phú T2 (nam) sinh ngày 20/01/2024. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu Phú T2 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy, cháu T2 tính đến ngày xét xử chưa đủ một tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi, trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Như vậy, giữa chị H và anh T không có thoả thuận về việc giao con cho anh T nuôi dưỡng. HĐXX thấy, cần giao cháu T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Phú T2 (giới tính: nam), sinh ngày 20/01/2024 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn ngày 08/10/2024 theo biên lai thu số: 0004657. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T.

Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã Bỉm Sơn;*
- *Đương sự;*
- *UBND phường Đ (ĐK 24/3/2022);*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THA Dân sự thi xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TỐNG THỊ HÀ